

GRDP - Gross Regional Domestic Product

TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN

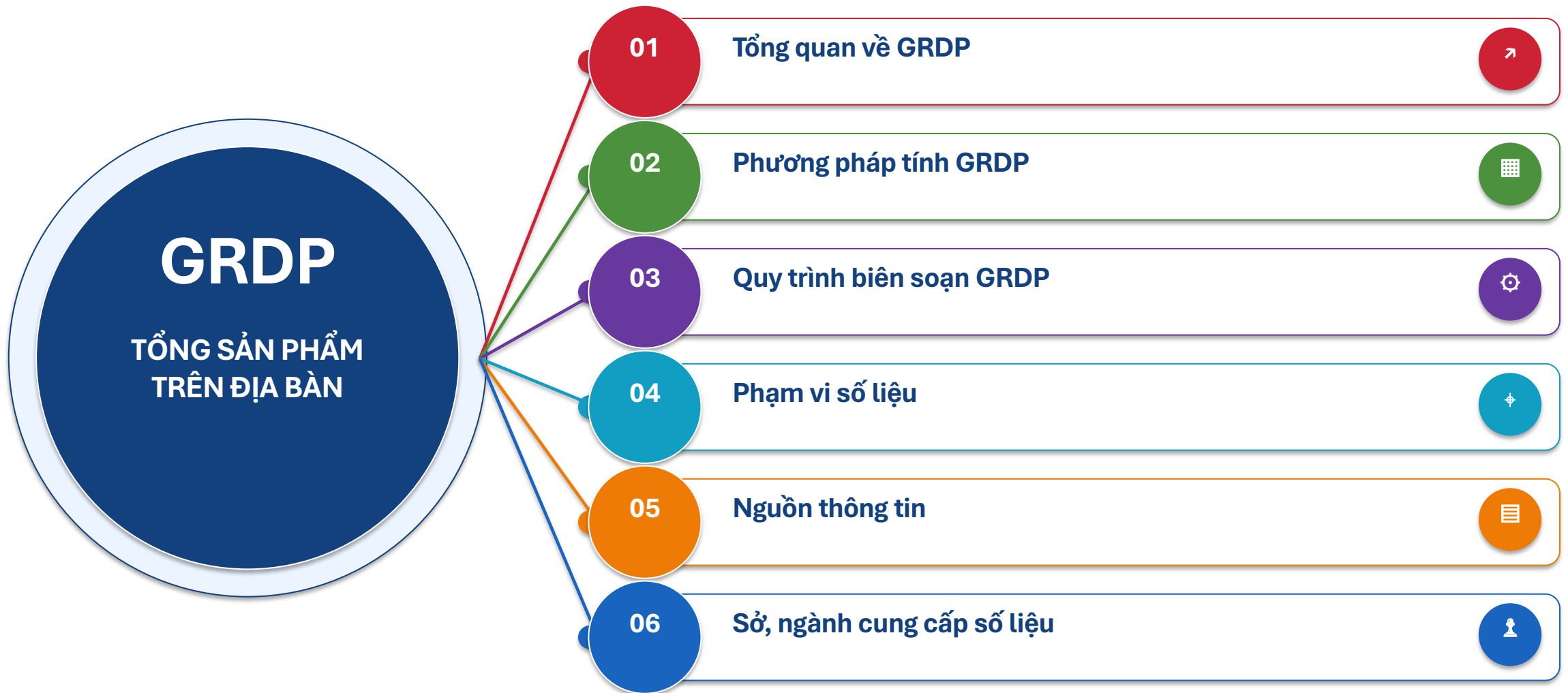
Khái niệm • Phương pháp tính • GO – IC – VA

GO

IC

VA

Giá trị tăng thêm là nền tảng hình thành GRDP



1. Khái Niệm & Công Thức Tính GRDP

GRDP

Gross Regional Domestic Product

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh/thành phố

Bản chất chỉ tiêu GRDP

Là giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ **cuối cùng** được tạo ra của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định (không tính giá trị trung gian).

$$GRDP = \sum VA + \text{Thuế sản phẩm} - \text{Trợ cấp sản phẩm}$$

$$VA = GO - IC$$

Trong đó: **VA** (Giá trị tăng thêm), **GO** (Giá trị sản xuất), **IC** (Chi phí trung gian).

01 | GRDP là gì?

02

Đo lường kết quả sản xuất của các đơn vị thường trú trên địa bàn

GRDP phản ánh giá trị tăng thêm của các ngành kinh tế trên địa bàn trong một thời kỳ nhất định.

Đơn vị thường trú

Hoạt động sản xuất
của các đơn vị thường trú trên địa bàn.

Không tính trùng

Loại phần giá trị trung gian thông qua IC.

Phương pháp sản xuất

Tổng VA các ngành
+ thuế sản phẩm – trợ cấp sản phẩm.

Giá hiện hành | Giá so sánh

03 | Hình thành GRDP

04

Từ giá trị tăng thêm của từng ngành đến chỉ tiêu GRDP của toàn địa bàn

01 **VA ngành 1 + VA ngành 2 + ... + VA ngành n**

Tổng giá trị tăng thêm

02 **+ Thuế sản phẩm**

Các loại thuế đánh vào sản phẩm

03 **– Trợ cấp sản phẩm**

Các khoản trợ cấp gắn với sản phẩm

04 **= GRDP**

Tổng sản phẩm trên địa bàn

3 khu vực kinh tế

I Nông, lâm nghiệp & thủy sản

II Công nghiệp & xây dựng

III Dịch vụ

02 | Giá trị sản xuất (GO), Chi phí trung gian (IC), Giá trị tăng thêm (VA)

03

Giá trị tăng thêm loại bỏ phần giá trị sản phẩm, dịch vụ đã sử dụng làm đầu vào

$$VA = GO - IC$$

GO Giá trị sản xuất

Toàn bộ giá trị sản phẩm và dịch vụ
do các cơ sở kinh tế tạo ra

IC Chi phí trung gian

Đầu vào vật chất và dịch vụ
dùng hết trong SXKD

VA Giá trị tăng thêm

Phần giá trị mới được tạo ra

IC không bao gồm: tiền lương • khấu hao TSCĐ • lợi nhuận/thặng dư sản xuất • chi mua TSCĐ

2. Giá Trị Sản Xuất (GO) & Chi Phí Trung Gian (IC)

Giá trị sản xuất (GO)

Khái niệm: Toàn bộ giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ do các cơ sở thuộc mọi ngành, loại hình kinh tế tạo ra trong kỳ.

- Tính theo giá cơ bản hoặc giá người sản xuất.
- Biên soạn theo cả **giá hiện hành** và **giá so sánh**.
- Phản ánh quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh toàn tỉnh.

Chi phí trung gian (IC)

Khái niệm: Toàn bộ chi phí sản phẩm vật chất và dịch vụ sử dụng hết trong quá trình SXKD để tạo ra sản phẩm mới.

- **Bao gồm:** Nguyên vật liệu, nhiên liệu, điện nước, dịch vụ viễn thông, thuê tài sản, bảo vệ, tư vấn...
- **KHÔNG bao gồm:** Tiền lương, khấu hao TSCĐ, thuế sản xuất, lợi nhuận, chi mua TSCĐ.

3. Phân Loại Khu Vực & Ngành Kinh Tế



Khu vực I

Nông, Lâm nghiệp & Thủy sản

Bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, khai thác và nuôi trồng thủy hải sản.



Khu vực II

Công nghiệp & Xây dựng

Bao gồm khai khoáng, chế biến chế tạo, sản xuất điện nước và hoạt động xây dựng.



Khu vực III

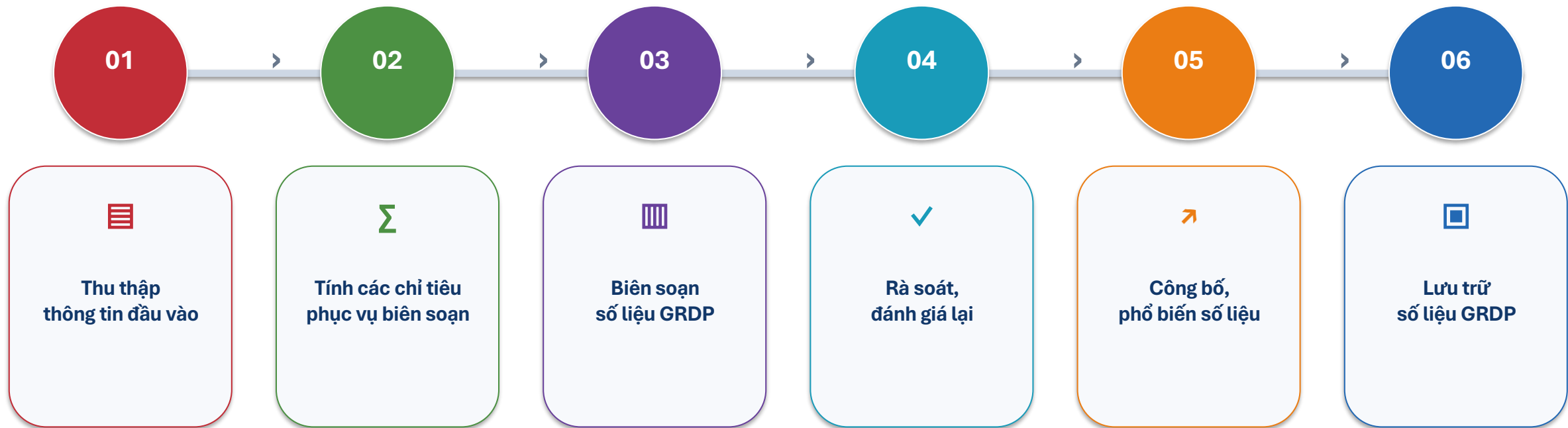
Ngành Dịch vụ

Bao gồm thương mại, vận tải, lưu trú, tài chính, giáo dục, y tế và quản lý nhà nước.

Cơ cấu phân ngành Thống kê: Tổng hợp và công bố cho Thống kê tình phân theo 21 ngành cấp 1 và 89 ngành cấp 2.

2.1. QUY TRÌNH BIÊN SOẠN GRDP

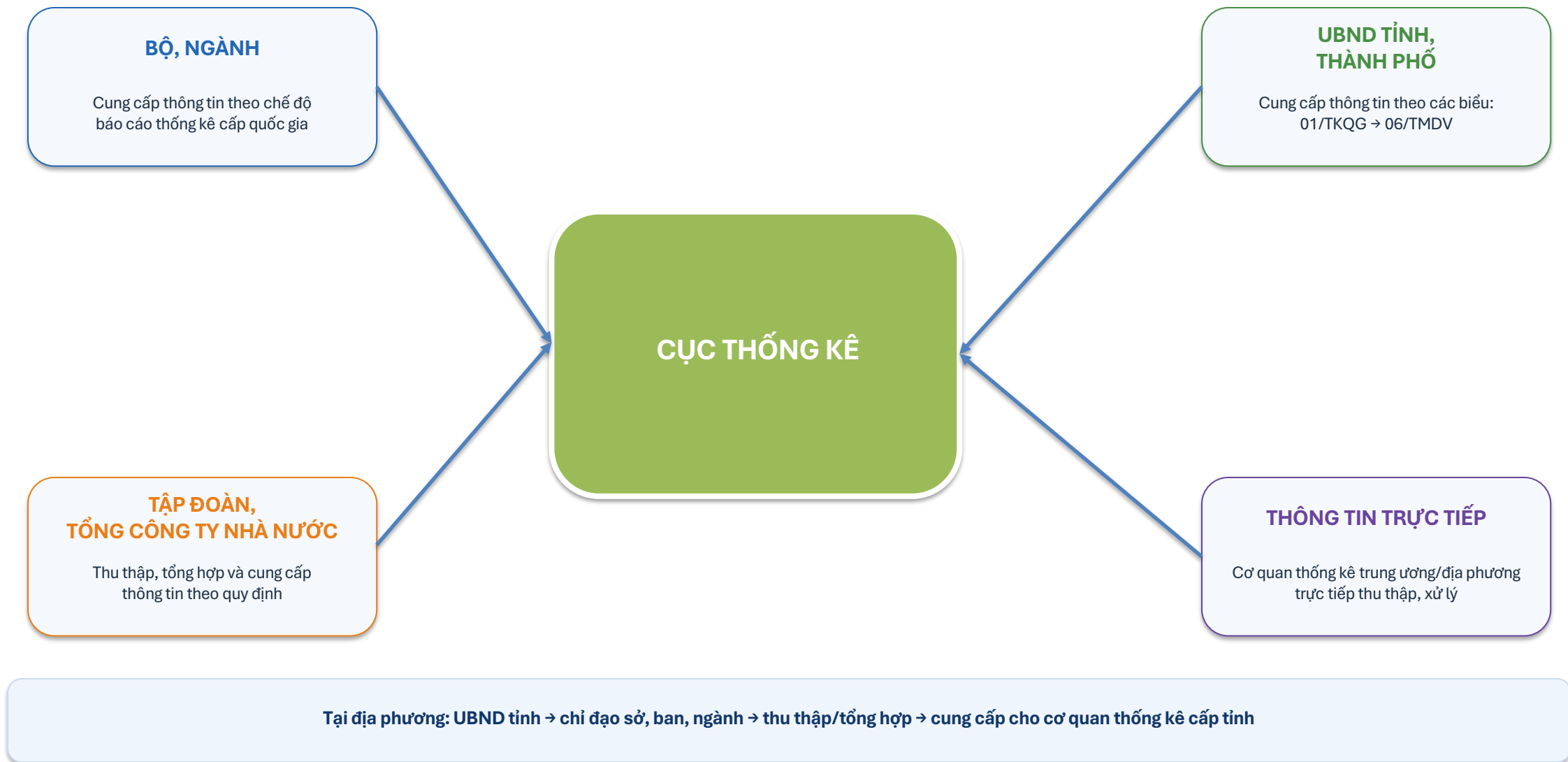
Từ thông tin đầu vào đến công bố và lưu trữ số liệu



Quy trình biên soạn phải bảo đảm: Tập trung • Đồng bộ • Thống nhất • Minh bạch

CƠ SỞ PHÁP LÝ: Nghị định 94/2022/NĐ-CP; Nghị định 62/2024/NĐ-CP; Nghị định 13/2026/NĐ-CP

2.2. MÔ HÌNH THU THẬP THÔNG TIN ĐẦU VÀO PHỤC VỤ BIÊN SOẠN GRDP



HỆ BIỂU ÁP DỤNG ĐỐI VỚI UBND TỈNH, THÀNH PHỐ

Mục tiêu: Chuẩn hóa đầu vào số liệu, bảo đảm đầy đủ và thống nhất thông tin phục vụ tính toán tổng hợp, phân tích thống kê.

DANH MỤC 06 BIỂU

ĐƠN VỊ ÁP DỤNG

UBND TỈNH,
THÀNH PHỐ

Đầu mối cung cấp số liệu

1

01/TKQG

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

2

02/TKQG

Chi ngân sách địa phương

3

03/NLTS

Một số chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

4

04/NLTS

Sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu

5

05/CNXD

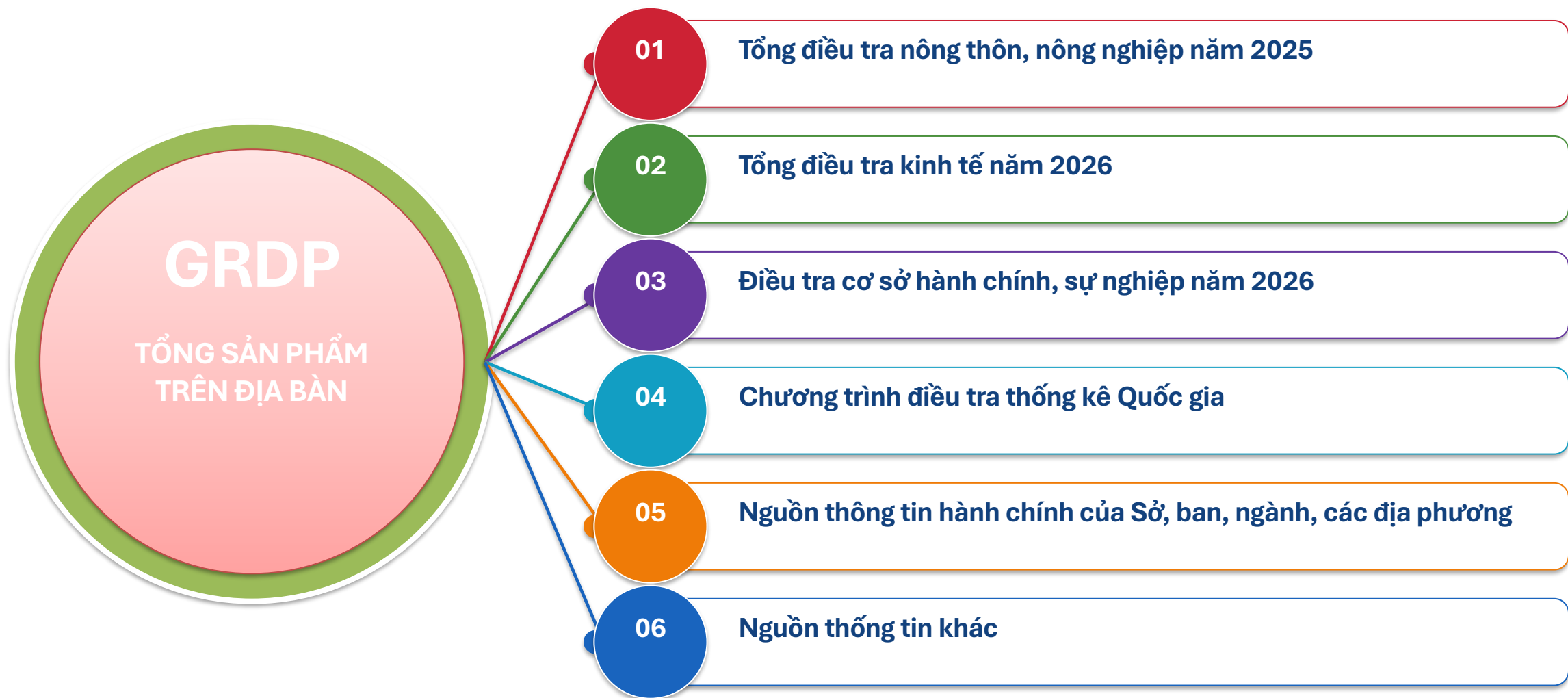
Năng lực mới tăng của các dự án/công trình hoàn thành/dự kiến hoàn thành trong năm

6

06/TMDV

Doanh thu một số ngành thương mại và dịch vụ

CÁC NGUỒN DỮ LIỆU CẦN KHAI THÁC ĐỂ TÍNH GRDP



NGÀNH NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Phạm vi, nguyên tắc biên soạn, phương pháp tính GO, IC, VA và nguồn thông tin thống kê

Ngành Kinh Tế Cấp 2 (Ngành A)



1. Nông nghiệp

- Trồng cây hàng năm & lâu năm
- Nhân và chăm sóc cây giống
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm
- Dịch vụ nông nghiệp & Săn bắt



2. Lâm nghiệp

- Trồng rừng & chăm sóc rừng
- Khai thác gỗ & lâm sản khác
- Thu nhặt sản phẩm phi gỗ
- Dịch vụ lâm nghiệp



3. Thủy sản

- Khai thác thủy sản biển & nội địa
- Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, lợ, mặn

Hoạt Động Trong Ngành Nông Nghiệp



1. Hoạt động Trồng trọt

Cây hàng năm, cây lâu năm, sản phẩm phụ (rơm, rạ, thân ngô...), giống cây trồng & chênh lệch sản phẩm dở dang.



2. Hoạt động Chăn nuôi

Thịt hơi tăng lên (xuất chuồng + tăng giảm tồn đàn), sản phẩm không giết thịt (trứng, sữa, mật ong, kén tằm) & phân gia súc.



3. Dịch vụ Nông nghiệp

Làm đất, gieo cấy, tưới tiêu, phun thuốc BVTV, thu hoạch, xén lông cừu, xử lý hạt giống (chỉ tính đơn vị kinh doanh chuyên nghiệp).



4. Săn bắt & Dịch vụ

Săn bắt, bẫy thú làm thực phẩm/bán lẻ và hoạt động thuần hóa thú săn phục vụ sở thú.

Phương Pháp Tính GO Ngành Chăn Nuôi

Trọng lượng thịt hơi sản xuất = Trọng lượng xuất chuồng + Chênh lệch trọng lượng hơi cuối kỳ so với đầu kỳ.

$$\text{Chênh lệch trọng lượng} = (\text{Số con}_{\text{cuối kỳ}} - \text{Số con}_{\text{đầu kỳ}}) \times \text{TL xuất chuồng BQ} \times k$$

$$k = 0.4$$

Hệ số Gia súc

$$k = 0.5$$

Hệ số Gia cầm

Ý nghĩa hệ số k: Dùng để điều chỉnh chênh lệch trọng lượng thịt hơi của vật nuôi lấy thịt chưa xuất bán. Do đàn vật nuôi chênh lệch bao gồm cả con to và con nhỏ nên trọng lượng bình quân nhỏ hơn trọng lượng xuất chuồng.

NGÀNH CÔNG NGHIỆP

(4 ngành cấp I và 34 ngành cấp 2)

Nội Dung & Phương Pháp Tính Giá Trị Sản Xuất

iStock
Credit: yoh4nn

Giá Trị Sản Xuất

Giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp bao gồm 4 lĩnh vực chính:



(1) Ngành Khai Khoáng

Các hoạt động khai thác mỏ và khai thác khoáng sản tự nhiên.



(2) Công Nghiệp Chế Biến, Chế Tạo

Quá trình chuyển hóa vật lý, hóa học các nguyên vật liệu thành sản phẩm mới.



(3) Điện & Khí Đốt

Bao gồm hoạt động sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hòa không khí.



(4) Cung Cấp Nước & Xử Lý Rác

Các hoạt động liên quan đến cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải.

Phương Pháp Tính

Giá trị sản xuất theo giá hiện hành được xác định bằng công thức:

$$\text{GTSX} = \text{Doanh thu thuần} + \text{Trợ cấp SP} + \Delta \text{Tồn kho \& Dở dang}$$

Doanh Thu & Trợ Cấp

Bao gồm **doanh thu thuần** về bán hàng, cung cấp dịch vụ và cộng (+) các khoản **trợ cấp sản phẩm** (nếu có).

Phần Chênh Lệch (Δ)

Chênh lệch (Cuối kỳ - Đầu kỳ) của **thành phẩm tồn kho**, hàng gửi bán, sản phẩm và các chi phí dở dang còn lại khác.

Ngành Xây Dựng

Ngành xây dựng bao gồm toàn bộ các hoạt động từ xây mới đến cải tạo, với ba lĩnh vực cốt lõi định hình cấu trúc ngành.

Xây Dựng Nhà Các Loại

Xây dựng hoàn chỉnh các khu nhà ở và không phải để ở; lắp ráp cấu kiện đúc sẵn tại hiện trường; tu sửa và cải tạo nhà ở đang tồn tại.

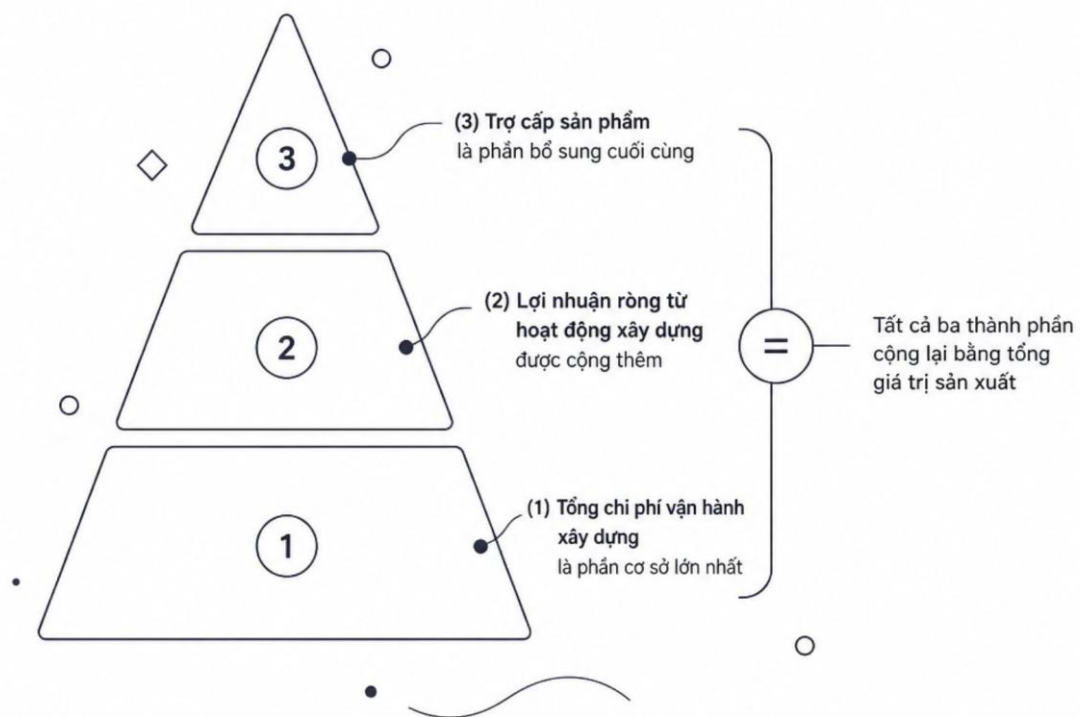
Công Trình Kỹ Thuật Dân Dụng

Hạ tầng giao thông, công trình công ích và các công trình kỹ thuật quy mô lớn phục vụ cộng đồng.

Hoạt Động Xây Dựng Chuyên Dụng

Các dịch vụ chuyên biệt: phá dỡ, lắp đặt hệ thống, hoàn thiện công trình và cho thuê máy móc thiết bị.

Phương Pháp Tính Giá Trị Sản Xuất: Chi Phí



Công Thức Tính

Giá trị sản xuất =

Tổng chi phí hoạt động xây dựng

Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình thi công và quản lý công trình

+ Lợi nhuận thuần từ xây dựng

Lợi nhuận sau khi khấu trừ tất cả chi phí hoạt động

+ Trợ cấp sản phẩm

Trợ cấp sản phẩm được hưởng trong kỳ (nếu có)

Hoạt Động Vận Tải, kho bãi

Ngành vận tải bao gồm:

- Đường sắt
- Đường bộ
- Đường thủy
- Đường ống
- Hàng không



Dịch Vụ Phụ Trợ Vận Tải



Cơ Sở Hạ Tầng

- Bến, bãi ô tô
- Cảng biển, cảng sông
- Cảng hàng không
- Nhà ga



Dịch Vụ Hỗ Trợ

- Bốc xếp hàng hóa
- Lưu giữ hàng hóa
- Kho bãi
- Cho thuê phương tiện

Hoạt Động Bưu Chính & Chuyển Phát

Phạm Vi Dịch Vụ

- Vận chuyển và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện
- Phân phát nội vùng và dịch vụ nhấn tin



Phương Pháp Tính — Phương Pháp 1

Áp dụng cho đơn vị có hạch toán kinh doanh.

Công Thức Tính Giá Trị Sản Xuất

Giá trị sản xuất = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Trợ cấp sản phẩm (nếu có)



Doanh thu thuần



Trợ cấp sản
phẩm



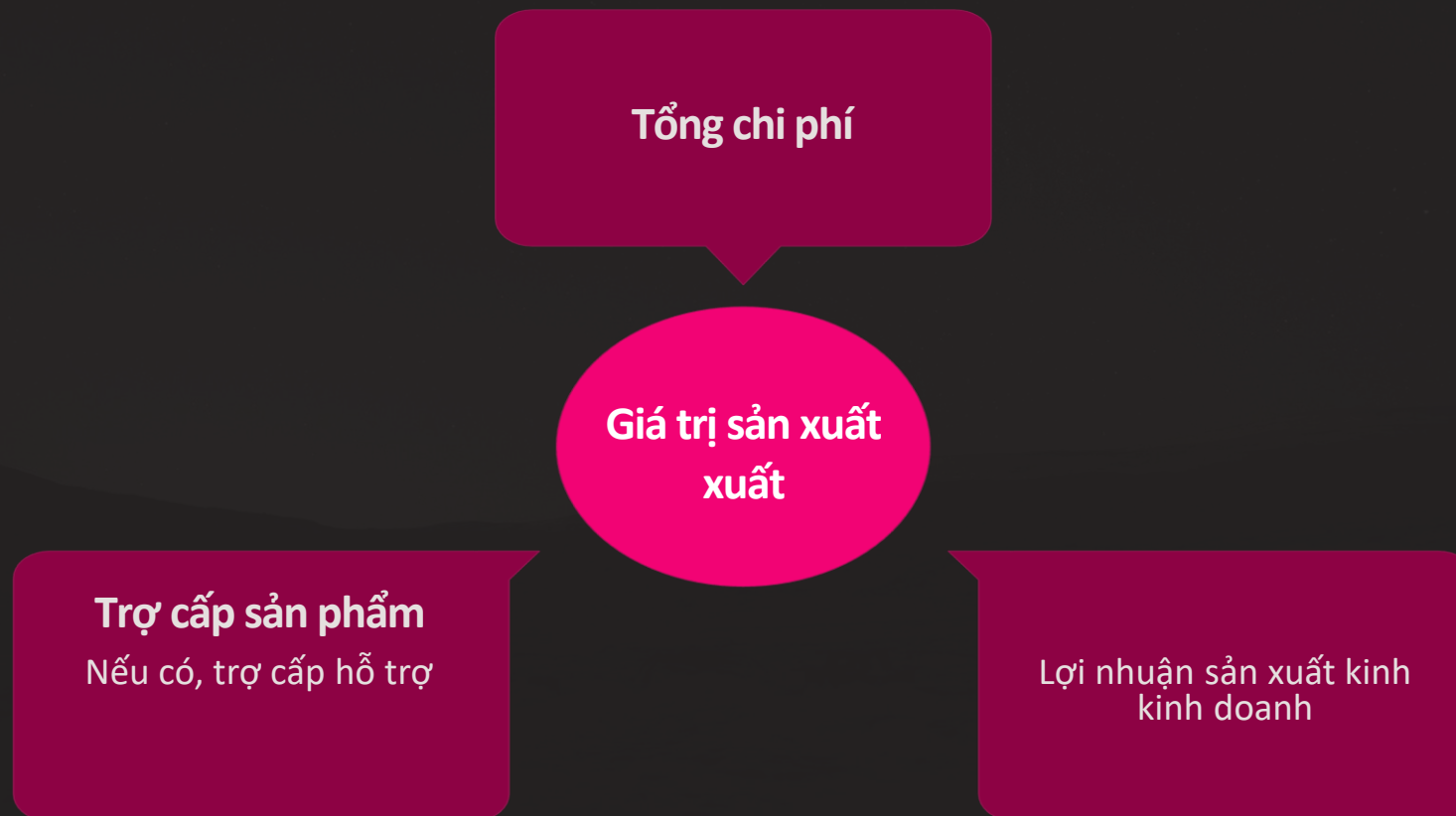
Giá trị sản xuất

Phương Pháp Tính GO ngành xây dựng — Phương Pháp 2

Lựa chọn thay thế cho đơn vị sản xuất không áp dụng phương pháp 1.

Công Thức Tính Giá Trị Sản Xuất

Giá trị sản xuất = Tổng chi phí sản xuất kinh doanh + Lợi nhuận sản xuất kinh doanh + Trợ cấp sản phẩm (nếu có)



NGÀNH Q – Y TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Gồm 02 ngành cấp 2 và 03 ngành cấp 3

NGÀNH Q

Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội

I. HOẠT ĐỘNG Y TẾ

- Bệnh viện, trạm xá
- Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Hoạt động y tế khác

II. CHĂM SÓC ĐIỀU DƯỠNG TẬP TRUNG

- Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng
- Chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện
- Chăm sóc sức khỏe người có công, người già, người tàn tật không có khả năng tự chăm sóc
- Hoạt động chăm sóc tập trung khác

III. TRỢ GIÚP XÃ HỘI KHÔNG TẬP TRUNG

- Đối với người có công, thương bệnh binh, người già và tàn tật
- Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác

Ngành Q gồm 03 ngành cấp 2: Hoạt động y tế • Chăm sóc điều dưỡng tập trung • Trợ giúp xã hội không tập trung

HOẠT ĐỘNG Y TẾ – PHẠM VI, NGUỒN THU VÀ GIÁ TRỊ SẢN XUẤT

Khái quát phạm vi ngành và các nguồn hình thành Giá trị sản xuất (GO)

I. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG Y TẾ (86)

Hoạt động y tế gồm 03 nhóm ngành cấp 3:

- ① Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá
- ② Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- ③ Hoạt động y tế khác

→ Đây là phần “Hoạt động y tế” thuộc Ngành Q – Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội.

II. CÁC NGUỒN THU CHỦ YẾU

- Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế
- Ngân sách Nhà nước
- Viện phí
- Viện trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước
- Các khoản thu khác của đơn vị theo quy định của cơ quan tài chính

III. GIÁ TRỊ SẢN XUẤT (GO)

$GO = KCB \text{ do cơ quan BHYT thanh toán} + \text{viện phí} + \text{trợ cấp từ NSNN} + \text{các khoản thu khác theo quy định hiện hành.}$

Lưu ý: BHYT thường là khoản thu lớn nhất của cơ sở KCB.

PHƯƠNG PHÁP TÍNH GO – ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Tách rõ nguồn kinh phí thường xuyên từ NSNN và nguồn kinh phí ngoài NSNN

GO = TỔNG PHẦN CHI CHO HOẠT ĐỘNG

1. KINH PHÍ TỪ NSNN THƯỜNG XUYỀN

Đối với đơn vị sự nghiệp Nhà nước:

GO từ nguồn NSNN thường xuyên
= Tổng phần chi cho hoạt động.

→ Là cơ sở để xác định phần GO tương ứng với nguồn kinh phí thường xuyên của NSNN.

2. NGUỒN KINH PHÍ NGOÀI NSNN

Trường hợp có nguồn kinh phí khác nhưng chưa hạch toán vào chi NSNN thường xuyên để báo cáo cơ quan tài chính:

GO ngoài NSNN = (Nguồn kinh phí ngoài NSNN chưa báo cáo / Nguồn kinh phí NSNN thường xuyên) × GO từ nguồn NSNN thường xuyên.

GO từ hai nguồn kinh phí = GO từ nguồn NSNN thường xuyên + GO từ nguồn ngoài NSNN

PHƯƠNG PHÁP TÍNH GO – ĐƠN VỊ NGOÀI NHÀ NƯỚC

Phân biệt doanh nghiệp/tương tự doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

A. DOANH NGHIỆP VÀ TƯƠNG TỰ DOANH NGHIỆP

Công thức:

GO = Doanh thu thuần cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp
+ Trợ cấp sản phẩm (nếu có)

Trong đó:

- Doanh thu thuần: doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp.
- Trợ cấp sản phẩm: cộng thêm khi có phát sinh.

→ Dùng số liệu của doanh nghiệp/tương tự doanh nghiệp để xác định GO.

B. CƠ SỞ SXKD CÁ THỂ – ĐIỀU TRA CHỌN MẪU

Công thức suy rộng:

GO = GO bình quân 1 đơn vị hoặc 1 lao động của đơn vị điều tra
× Tổng số đơn vị hoặc tổng số lao động của ngành

Các bước:

- ① Tính GO bình quân từ mẫu điều tra.
- ② Xác định tổng số đơn vị hoặc lao động của ngành.
- ③ Suy rộng GO cho toàn ngành.

→ Chọn biến suy rộng phù hợp với kết quả điều tra.

Xác định đúng loại hình đơn vị → chọn đúng nguồn số liệu → áp dụng đúng công thức GO.

Giáo Dục & Đào Tạo

Tổng quan Ngành Kinh tế cấp 2 (Ngành P)

Ngành GĐDT(Ngành P)



Giáo dục mầm non



Giáo dục tiểu học



Giáo dục trung học



Đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học



Giáo dục khác



Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

Hoạt Động & Nguồn Kinh Phí

- Đa dạng theo các loại hình giáo dục khác nhau.
- **Nguồn kinh phí ngân sách:** Được cấp phát từ Ngân sách Nhà nước.
- **Thu từ người học:** Thông qua hình thức thu học phí.
- **Các nguồn thu khác:** Viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản thu tại đơn vị theo quy định của chế độ tài chính.



Giá Trị Sản Xuất

**I. Giá trị
sản xuất
Ngành
giáo dục và
đào tạo**



I. Nguồn Ngân Sách & Tài Sản

Tổng chi phí cho hoạt động thường xuyên được cấp từ ngân sách Nhà nước và khấu hao tài sản cố định trong quá trình vận hành giáo dục.

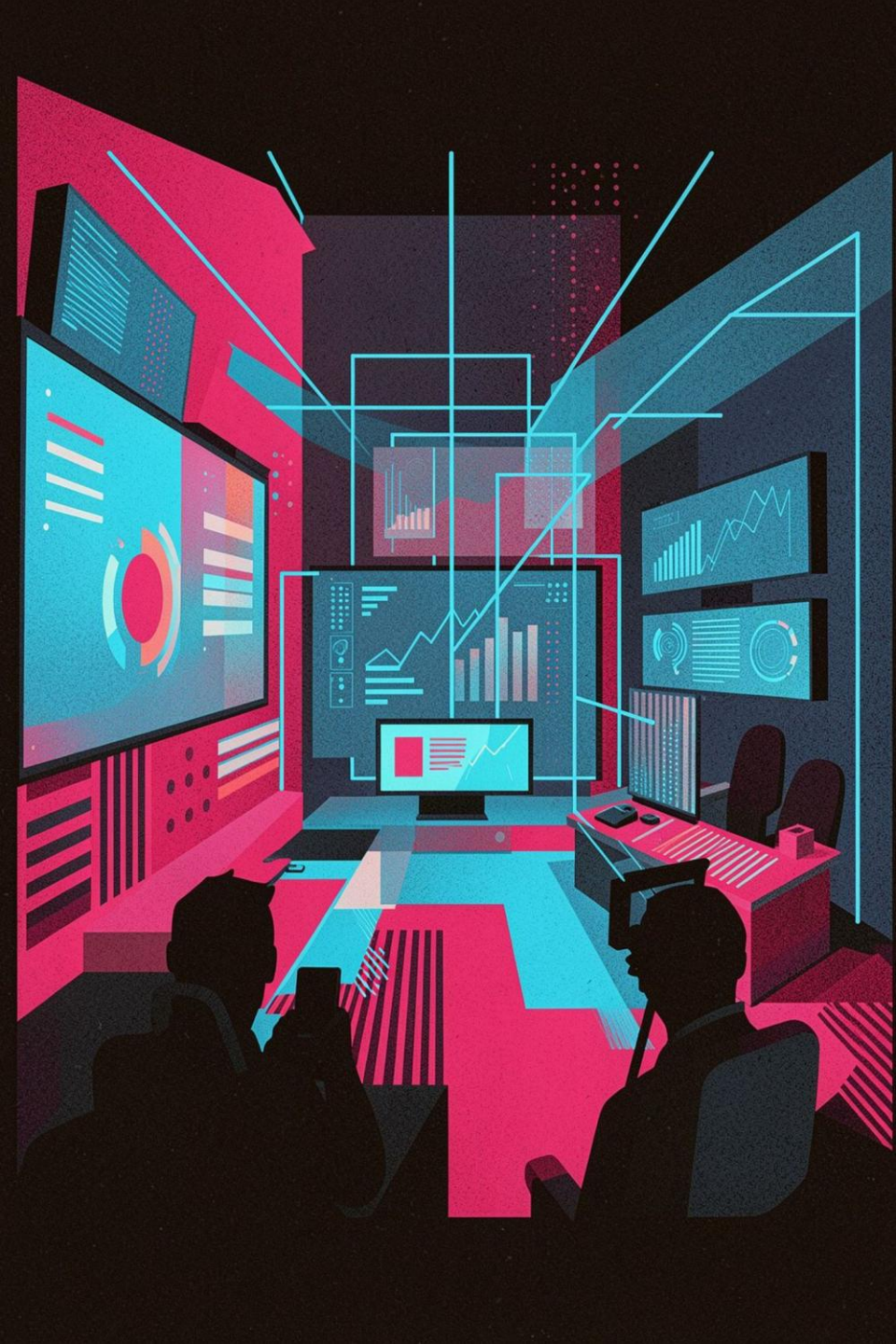


II. Doanh Thu Dịch Vụ

Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ giáo dục và đào tạo (điển hình là học phí) thuộc tất cả các cấp học, theo mọi loại hình và phương thức đào tạo.

Bảo hiểm, tái bảo hiểm và bảo hiểm xã hội (trừ bảo đảm xã hội bắt buộc)





Ngành Thông tin và Truyền thông

Tổng quan về lĩnh vực kinh tế then chốt — từ xuất bản, truyền hình, viễn thông đến công nghệ thông tin và dịch vụ số.

PHÂN NGÀNH J

Phạm vi Ngành J — 6 Lĩnh vực Cốt lõi

Ngành Thông tin và Truyền thông (phân ngành J) bao gồm 6 nhóm hoạt động kinh tế chính, phản ánh toàn bộ chuỗi giá trị từ sản xuất nội dung đến dung đến phân phối và dịch vụ số.



Xuất bản



Điện ảnh & Âm nhạc



Phát thanh & Truyền hình



Viễn thông



Công nghệ Thông tin



Dịch vụ Thông tin



LĨNH VỰC I

Hoạt động Xuất bản

Bao gồm xuất bản sách, báo, tạp chí, phần mềm và các ấn phẩm kỹ thuật số. Đây là nền tảng lan tỏa tri thức và thông tin thông tin trong xã hội.

- Xuất bản sách, báo in và điện tử
- Xuất bản phần mềm và trò chơi
- Xuất bản cơ sở dữ liệu và nội dung số

LĨNH VỰC II

Điện ảnh, Truyền hình & Âm nhạc

Sản xuất phim & chương trình truyền hình

Hoạt động sản xuất nội dung hình ảnh cho điện ảnh, truyền hình và nền tảng số.

Ghi âm & Xuất bản âm nhạc

Sản xuất, ghi âm và phân phối các sản phẩm âm nhạc dưới nhiều hình thức.



LĨNH VỰC III

Phát thanh và Truyền Truyền hình

Hoạt động phát sóng nội dung đến công chúng qua sóng radio, truyền hình mặt đất, vệ tinh và internet.

- Phát thanh AM/FM và kỹ thuật số
- Truyền hình quảng bá và trả tiền
- Phát sóng trực tuyến (streaming)



Viễn thông

Hạ tầng kết nối số thiết yếu cho nền kinh tế — bao gồm mạng di động, cố định, định, internet băng rộng và dịch vụ truyền dữ liệu.



Viễn thông di động



Viễn thông cố định



Internet & Dữ liệu





LĨNH VỰC CV

Công nghệ Thông tin

Lĩnh vực bao gồm lập trình máy vi tính, tư vấn CNTT và các hoạt động liên quan đến máy tính — động lực chuyển đổi số quốc gia.

- **Lập trình phần mềm** và phát triển ứng dụng
- **Tư vấn CNTT** và tích hợp hệ thống
- **Quản lý hạ tầng** và dịch vụ máy tính

LĨNH VỰC VI

Dịch vụ Thông tin

Bao gồm các hoạt động thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho tổ chức và cá nhân.



Thông tấn & Báo chí

Cung cấp tin tức và thông tin thời sự.



Thư viện & Lưu trữ

Quản lý và cung cấp truy cập tài liệu.



Cổng thông tin & Dữ liệu

Nền tảng tổng hợp và phân phối thông tin số.



Hãng thông tấn

Tổng hợp và phân phối tin bài cho báo chí.

Phương pháp Tính Giá trị Sản xuất

Phương pháp 1 — Theo Doanh thu

$$\text{GTSX} = \text{Doanh thu thuần} + \text{Trợ cấp sản phẩm}$$

Áp dụng khi doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ rõ ràng trong kỳ báo cáo.

Phương pháp 2 — Theo Chi phí

$$\text{GTSX} = \text{Tổng chi phí SXKD} + \text{Lợi nhuận SXKD} + \text{Trợ cấp sản phẩm}$$

Áp dụng khi cần xác định GTSX dựa trên cơ cấu chi phí và kết quả kết quả kinh doanh.



Hoạt Động Chuyên Môn, Khoa Khoa Học và Công Nghệ

Ngành M — Tổng quan phạm vi và phương pháp biên soạn giá trị sản xuất

NGÀNH M

Phạm Vi Ngành M

Ngành M bao gồm 7 nhóm hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ:



Pháp luật, Kế toán & Kiểm toán



Trụ sở Văn phòng & Tư vấn Quản lý



Kiến trúc & Kiểm tra Kỹ thuật



Nghiên cứu Khoa học & Phát triển



**Quảng cáo & Nghiên cứu Thị trường
trường**



Hoạt động Chuyên môn Khác



Hoạt động Thú y

Nhóm 1 & 2: Dịch Vụ Pháp Lý và Quản Trị

Pháp luật, Kế toán & Kiểm toán

Bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ kế toán, kiểm toán và các hoạt động liên quan đến thuế và tài chính doanh nghiệp.

Trụ sở Văn phòng & Tư vấn Quản lý

Gồm hoạt động của trụ sở văn phòng quản lý tập đoàn và các dịch vụ dịch vụ tư vấn chiến lược, quản trị doanh nghiệp.



Nhóm 3 & 4: Kỹ Thuật và Nghiên Cứu



Kiến trúc & Kiểm tra Kỹ thuật

Bao gồm hoạt động thiết kế kiến trúc, quy hoạch đô thị, kiểm tra, phân tích kỹ thuật thuật và thử nghiệm vật liệu.

Nghiên cứu Khoa học & Phát triển

- Khoa học tự nhiên & kỹ thuật: Nghiên cứu thực nghiệm trong vật lý, hóa học, sinh học, công nghệ
- Khoa học xã hội & nhân văn: Nghiên cứu kinh tế, xã hội học, tâm lý học và các ngành nhân văn

Nhóm 5, 6 & 7: Thị Trường, Chuyên Môn Khác và Thú Y



Quảng cáo & Nghiên cứu Thị trường

Mã M731 (quảng cáo) và M732 (nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận)



Hoạt động Chuyên môn Khác

Thiết kế chuyên dụng, nhiếp ảnh và các hoạt động chuyên môn công nghệ nghệ chưa phân loại



Hoạt động Thú y

Dịch vụ chẩn đoán, điều trị và chăm sóc sức khỏe động vật

PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN

Giá Trị Sản Xuất — Đơn Vị Ngân Sách Nhà Nước

Đối với các cơ quan, đơn vị thụ hưởng NSNN, giá trị sản xuất được xác định từ xác định từ hai nguồn kinh phí:

Từ NSNN

Tổng phần chi cho hoạt động (nhóm 0500)

Ngoài NSNN

Kinh phí tự tạo chưa trong báo cáo quyết toán



Công Thức — Đơn Vị Sử Dụng NSNN

GO từ nguồn chi NSNN thường xuyên

 **GO = Tổng phần chi cho hoạt động (nhóm 0500)**

Áp dụng cho đơn vị sử dụng kinh phí từ chi ngân sách nhà nước thường xuyên.

GO từ nguồn kinh phí ngoài NSNN

Đối với nguồn kinh phí ngoài NSNN *chưa có* trong báo cáo quyết toán:

 **GO ngoài NSNN = Nguồn ngoài NSNN × (GO NSNN / Kinh phí hoạt động NSNN)**

PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN

Giá Trị Sản Xuất — Khối Doanh Nghiệp

Thông tin thu thập từ chế độ báo cáo quyết toán tài chính hoặc điều tra doanh nghiệp.



Công Thức — Doanh Nghiệp & Cơ Sở SXKD

Doanh nghiệp (từ báo cáo tài chính)

GO = Doanh thu thuần
(bán hàng + cung cấp
cấp dịch vụ) + **Trợ cấp**
cấp sản phẩm

H OẶC: GO = Tổng
phí SXKD + Lợi
SXKD + Trợ cấp sản
phẩm

Cơ sở SXKD cá thể (điều tra chọn mẫu)

 **GO = GO bình quân/lao động × Tổng số lao động**
động ngành

Phương pháp ước tính dựa trên kết quả điều tra chọn mẫu đại
mẫu đại diện.

Tổng Kết: Hai Phương Pháp Biên Soạn GO



Đơn vị NSNN

GO = Chi hoạt động NSNN + GO từ
từ nguồn ngoài NSNN (ước tính theo tỷ
theo tỷ lệ)



Doanh nghiệp

GO = Doanh thu thuần + Trợ cấp SP
hoặc Tổng chi + Lợi nhuận + Trợ cấp SP



Cơ sở cá thể

GO = GO bình quân/lao động $\times$ Tổng số
Tổng số lao động ngành (điều tra chọn
chọn mẫu)



Việc lựa chọn phương pháp biên soạn phụ thuộc vào nguồn thông tin và loại hình đơn vị trong ngành M.

Hoạt động của Đảng Cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội, Quản lý Nhà nước, An ninh Quốc phòng và Bảo đảm Xã hội Bắt buộc

Ngành O — Tổng quan về phạm vi, nội dung và giá trị sản xuất

Ngành O Bao Gồm Những Gì?

Ngành O là nhóm hoạt động đặc thù, phục vụ lợi ích toàn xã hội và do Nhà nước chủ đạo tổ chức, bao gồm ba nhóm chính:

Nhóm I

Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước và các chính sách kinh tế - xã hội

Nhóm II

Hoạt động phục vụ chung cho toàn bộ đất nước

Nhóm III

Hoạt động bảo đảm xã hội bắt buộc

Hoạt động của Đảng và Tổ chức Chính trị - Xã hội

Đảng Cộng sản Việt Nam

Lãnh đạo toàn diện hệ thống chính trị, hoạch định đường lối, chính sách quốc sách quốc gia

Tổ chức Chính trị - Xã hội

Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ — cầu nối Nhà Nhà nước và nhân dân

Quản lý Chính sách Kinh tế - Xã hội

Xây dựng, ban hành và giám sát thực thi chính sách phát triển quốc gia

Quản lý Nhà nước và An ninh Quốc phòng

Quản lý Nhà nước

Bao gồm quản lý hành chính, kinh tế, y tế, y tế, giáo dục, văn hóa và các dịch vụ xã hội xã hội thiết yếu phục vụ nhân dân.

An ninh Quốc phòng

Bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ giữ vững an ninh trật tự và an toàn xã hội. hội.

Bảo đảm Xã hội Bắt buộc

Bảo đảm xã hội bắt buộc là nhóm hoạt động thuộc Ngành O, nhằm bảo vệ người lao động trước các rủi ro về thu nhập thông qua cơ chế đóng góp vào quỹ chung.



Bảo hiểm Xã hội Bắt buộc

Áp dụng cho người lao động có hợp đồng lao động, đóng góp theo quy định pháp luật



Bảo hiểm Xã hội Tự nguyện

Dành cho người lao động tự do, nông dân, hộ kinh doanh tham gia tự nguyện



Vai trò Nhà nước

Quản lý, điều tiết và bảo trợ quỹ bảo đảm xã hội quốc gia

Tính Giá trị Sản xuất Ngành O

Công thức tổng quát

Giá trị sản xuất (GO) bằng tổng các khoản chi cho hoạt động của động của các đơn vị dự toán ngân sách Nhà nước:

$$GO = \text{Tổng phần chi cho hoạt động (nhóm 0500)}$$

Bao gồm: chi phí trung gian, chi cho người lao động, khấu hao
khấu hao TSCĐ và thuế sản xuất khác.